TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2024
V/v: Tranh chấp *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Mùa**
Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Thanh** - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên toà: **Ông Đỗ Văn Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* **Bà Trương Thị A**, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 3, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*có mặt*)

- *Bị đơn:* **Ông Phan Văn B**, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 3, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 6 năm 2024, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị A trình bày:

Bà Trương Thị A và ông Phan Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường TP, thị xã Đồng Xoài (*nay là thành phố Đồng Xoài*), tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 02, ngày 27 tháng 4 năm 2006. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2007 giữa bà A và ông B phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B không chăm lo cho gia đình, vợ con, vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông B

thường xuyên đi uống rượu, đánh bài, chơi bi a, bà A đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông B không chịu nghe mà còn đánh bà A nhiều lần, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân ngột ngạt và mâu thuẫn giữa bà A và ông B kéo dài. Nay bà A xác định tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc từ lâu không còn ai quan tâm đến ai, bà A và ông B không sống ly thân với nhau nhưng từ lâu không còn ai quan tâm đến ai. Do đó, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà A và ông B có 03 người con chung là Phan Văn C, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2006; Phan Trọng D, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2008 và Phan Minh Đ, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2013. Sau khi ly hôn, bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung nói trên cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Văn B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 27 tháng 6 năm 2024, cháu Phan Trọng D trình bày:

Cháu là con ruột của bà A và ông B, hiện nay đang chuẩn bị vào học lớp 10 tại Trường THPT Võ Thị Sáu, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Cháu có biết việc mẹ yêu cầu giải quyết ly hôn với bố tại Tòa án. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì cháu thấy bố mẹ cháu thường xuyên cãi vã, gây gỗ và không còn yêu thương nhau. Hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ. Nay mẹ yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bố thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Việc cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc gì vì mẹ chăm sóc, lo lắng cho cháu nhiều hơn bố.

Tại biên Bản lấy lời khai lập ngày 27 tháng 6 năm 2024, cháu Phan Minh Đ trình bày:

Cháu là con ruột của bà A và ông B, hiện nay đang chuẩn bị vào học lớp 6 tại Trường THCS Lý Thường Kiệt, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Cháu có biết việc mẹ yêu cầu giải quyết ly hôn với bố tại Tòa án. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì cháu thấy bố mẹ thường xuyên cãi vã, gây gỗ và không còn tình cảm với nhau. Hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ. Nay mẹ yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bố thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Việc cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc vì mẹ chăm sóc, lo lắng cho cháu nhiều hơn bố.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đượng sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; 36; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

Về con chung: Giao 03 con chung là cháu C, cháu D và cháu Đ cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xác định đây là vụ án tranh chấp*"Ly hôn"* do nguyên đơn là bà A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông B cư trú tại: Thôn 3, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; 36; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn là ông B vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng ông B vẫn vắng mặt, nên xem như ông B đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà A cho thấy, bà và ông B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường TP, thị xã Đồng Xoài (*nay là thành phố Đồng Xoài*), tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 02, ngày 27 tháng 4 năm 2006. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình A thập chứng cứ, bà A cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông B không chăm lo cho gia đình, vợ con, vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan

điểm sống, ông B thường xuyên đi uống rượu, đánh bài, chơi bi a, bà A đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông B không chịu nghe mà còn đánh bà A nhiều lần, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân ngột ngạt, mâu thuẫn giữa bà A và ông B kéo dài. Tại phiên tòa, mặc dù vắng mặt ông B nhưng bà A vẫn khẳng định rằng, bà và ông B đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hơn nữa, quá trình xảy ra mâu thuẫn thì bà A và ông B tuy không sống ly thân nhưng từ lâu không ai còn quan tâm đến ai và bà vẫn yêu cầu được ly hôn với ông B. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, từ lâu không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà A và ông B có 03 người con chung là cháu C; cháu D và cháu Đ. Quá trình A thập chứng cứ cũng như lời khai, Bản tự khai của bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung là cháu C, cháu D và cháu Đ cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Đồng thời, cháu C, cháu D và cháu Đ cũng có lời khai và có nguyện vọng được sống chung với bà A. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, nghĩ cần thiết phải giao con chung là cháu C, cháu D và cháu Đ cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị A về việc tranh chấp *"Ly hôn".*

2. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trương Thị A được ly hôn với ông Phan Văn B.

- *Về con chung:* Giao 03 con chung là Phan Văn C, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2006, Phan Trọng D, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2008 và Phan Minh Đ, sinh ngày 19

tháng 5 năm 2013 cho bà Trương Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai A tiền số 0008189 ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-chủ toạ phiên toà

Văn Phú Vinh

Nơi nhận
- *TAND, VKSND tỉnh BP;*
- *VKSND huyện Bù Gia Mập;*
- *Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;*
- *UBND phường TP, thành phố Đồng Xoài;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*